

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần
Học kỳ 1 - Năm học 2016-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã học phần/Nhóm: 4040505 nhóm 02 Tên học phần: Cơ học đá
Mã CBGD: 0405-21 Tên CBGD: Bùi Bình

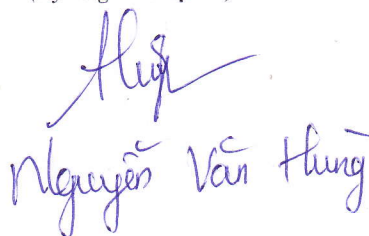
Số tín chỉ: 2

Trang 1 / 1

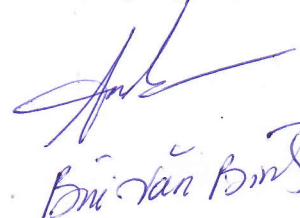
STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1321020531	Nguyễn Đức Hậu	23/10/1994	DCDCCT58B	6	7			7	10	10	10	6.7	
2	1321020092	Nguyễn Mạnh Hiền	22/04/1994	DCDCCT58B	2	7			7	10	7	8.5	4.2	
3	1321020109	Đỗ Văn Hoàn	21/05/1995	DCDCCT58B	2	8			8	10	10	10	4.6	
4	1321020551	Nguyễn Việt Hối	06/04/1995	DCDCCT58B	2	8			8	10	7	8.5	4.5	
5	1321020114	Bùi Ngọc Hùng	19/07/1995	DCDCCT58A	1	7			7	5	6	5.5	3.3	
6	1321020115	Nguyễn Đức Hùng	14/11/1995	DCDCCT58B	6	7			7	5	10	7.5	6.5	
7	1321020012	Trần Nam Anh	04/08/1995	DCDCCT58B	7	7			7	10	7	8.5	7.2	
8	1321020820	Phạm Trung Huy	21/07/1995	DCDCCT58B	7	8			8	10	10	10	7.6	
9	1321020130	Nguyễn Đăng Khoa	08/11/1995	DCDCCT58B	0	7			7	5	7	6	2.7	
10	1321020017	Trần Xuân Ba	21/07/1995	DCDCCT58B	8	8			8	10	10	10	8.2	
11	1321020139	Nguyễn Văn Linh	11/09/1995	DCDCCT58B	3	8			8	10	10	10	5.2	
12	1321020141	Vũ Văn Long	19/04/1995	DCDCCT58B	1	7			7	10	7	8.5	3.6	
13	1321020629	Phạm Tiến Mạnh	26/04/1995	DCDCCT58B	0	7			7	10	7	8.5	3.0	
14	1321020261	Đào Nhật Minh	09/12/1995	DCDCCT58B	C				0			0	0.0	
15	1321020148	Nguyễn Hữu Minh	14/07/1995	DCDCCT58A	3.5	7			7	10	10	10	5.2	
16	1321020641	Mai Thanh Nam	03/06/1990	DCDCCT58B	3	7			7	10	10	10	4.9	
17	1321020161	Lê Thị Oanh	01/12/1995	DCDCCT58B	9	8			8	10	10	10	8.8	
18	1321020670	Phạm Văn Phúc	07/09/1995	DCDCCT58B	0	7			7	5	7	6	2.7	
19	1321020169	Nguyễn Văn Quang	22/08/1994	DCDCCT58B	0	7			7	10	7	8.5	3.0	
20	1321020173	Nguyễn Hùng Quân	06/03/1995	DCDCCT58A	1	7			7	10	10	10	3.7	
21	1321020174	Nguyễn Mạnh Quân	13/06/1994	DCDCCT58B	8.5	8			8	10	10	10	8.5	
22	1321020722	Vũ Ngọc Thắng	01/09/1995	DCDCCT58B	C				0			0	0.0	
23	1321020726	Trần Văn Thiệu	01/10/1994	DCDCCT58B	5	7			7	10	10	10	6.1	
24	1321020204	Phùng Đức Thịnh	18/11/1995	DCDCCT58B	1	8			8	10	7	8.5	3.9	
25	1321020212	Đoàn Đức Thuận	21/09/1995	DCDCCT58B	8	8			8	10	10	10	8.2	
26	1321020750	Nguyễn Trần Tiến	18/10/1994	DCDCCT58B	2	7			7	10	7	8.5	4.2	
27	1321020757	Phạm Công Toàn	02/05/1995	DCDCCT58B	0	7			7	5	7	6	2.7	
28	1321020223	Trần Văn Toàn	19/07/1995	DCDCCT58B	2	7			7	10	10	10	4.3	
29	1321020225	Bùi Văn Tới	17/05/1994	DCDCCT58A	0	7			7	5	10	7.5	2.9	
30	1321020239	Hòa Quý Tuấn	10/05/1994	DCDCCT58B	C				0			0	0.0	
31	1321020790	Trần Quốc Tuấn	16/02/1995	DCDCCT58B	0	7			7	10	10	10	3.1	
32	1321020791	Trương Sinh Tuấn	13/09/1995	DCDCCT58B	0	7			7	1	6	3.5	2.5	
33	1321020250	Nguyễn Văn Tường	05/08/1994	DCDCCT58B	9	8			8	10	10	10	8.8	
34	1321020252	Nguyễn Lương Viên	09/12/1995	DCDCCT58B	0	7			7	5	7	6	2.7	
35	1321020253	Mai Hoàng Việt	17/08/1994	DCDCCT58B	3	7			7	10	10	10	4.9	
36	1321020035	Ngô Minh Cường	05/09/1995	DCDCCT58B	0	7			7	2	7	4.5	2.6	
37	1321050049	Nguyễn Triều Dương	21/08/1995	DCDCCT58B	1	7			7	5	7	6	3.3	
38	1321020058	Trần Khánh Dương	06/11/1995	DCDCCT58B	3	7			7	10	10	10	4.9	
39	1321020477	Kiều Ngọc Đạt	01/11/1994	DCDCCT58B	5	7			7	10	10	10	6.1	
40	1321020478	Nguyễn Bá Đạt	14/08/1994	DCDCCT58B	2	7			7	10	10	10	4.3	
41	1321020067	Nguyễn Văn Diệp	13/06/1994	DCDCCT58B	9	8			8	5	9	7	8.5	
42	1321020487	Bùi Văn Đô	27/06/1995	DCDCCT58B	5	7			7	10	10	10	6.1	
43	1321020489	Nguyễn Văn Đô	25/09/1993	DCDCCT58A	7	8			8	10	8	9	7.5	
44	1221020204	Tổng Đức Đông	15/03/1994	DCDCTV57A	2	5			5	5	7	6	3.3	
45	1221020054	Lô Chí Giầu	01/11/1994	DCDCTV57A	0	1			1	5	5	5	0.8	

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2016

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Hùng

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)


Bùi Văn Bình